TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 117/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2022.
"V/v: Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Văn Tình.
Các Hội thẩm nhân dân
1. Ông Trần Quang Cường.
2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Thanh Tâm.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 151/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2022, về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 200/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị TR, sinh năm 1997. (Xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn 6, xã ĐH, huyện B, tỉnh Bình Phước.
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1984. (Vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn 6, xã ĐH, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị TR Chi trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện tìm hiểu và tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2018. Đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/10/2019.

Trước khi kết hôn với anh V thì chị cũng đã kết hôn với người khác và đã giải quyết ly hôn theo quy định. Sau khi kết hôn chị và anh V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân có một phần do anh V không thích chị qua lại gặp gỡ chồng và con của chị trước đây, từ đó tỏ vẻ thái độ khó chịu nên hai bên xảy ra cãi. Sau đó chị và anh V sống ly thân cho đến nay. Quá trình sống ly thân các bên không hàn gắn được tình cảm. Chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung là Nguyễn Thị An Nh, sinh ngày 27/12/2019. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Nguyễn Văn V quá trình giải quyết vụ án trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị TR tự nguyện tìm hiểu và tiến tới quan hệ hôn nhân từ năm 2018. Đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/10/2019.

Sau khi kết hôn anh và chị TR chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên trong vài tháng trở lại đây hai bên xảy ra mâu thuẫn gia đình. Nguyên nhân có một phần do anh nóng tính khi công việc làm ăn không thuận lợi nên có xảy ra cãi vã. Từ đó chị TR bỏ ra ngoài sống riêng. Trong thời gian sống ly thân anh vẫn cố gắng liên hệ với chị TR qua điện thoại để thuyết phục chị TR quay về, nhưng chị TR không chịu và làm đơn ly hôn như hiện nay. Nay chị TR yêu cầu được ly hôn thì anh mong muốn đoàn tụ gia đình, do còn tình cảm với chị TR và mong muốn đoàn tụ để chăm lo cho con.

Về con chung: Anh và chị TR có 01 con chung là Nguyễn Thị An Nh, sinh ngày 27/12/2019. Hiện nay anh có nguyện vọng đoàn tụ gia đình. Trong trường phải ly hôn thì cũng đồng ý để chị TR trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị TR tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến: Về tố tụng Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng. Về nội dung, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, việc làm đơn của đương sự là tự nguyện. Bị đơn

vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị TR: Căn cứ lời khai của đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị TR và anh V tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2018; đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã ĐH, huyện B cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, ngày 15/10/2019. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị TR và anh V là hôn nhân là hợp pháp, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân và tình trạng mâu thuẫn: Quá trình giải quyết vụ án các bên đều xác nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2022. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc làm ăn trong gia đình không thuận lợi và một phần anh V không hòa thuân với con riêng của chị TR. Từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã và đã sống ly thân cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án phía anh V mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng chị TR cương quyết ly hôn. Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng chị TR giữ nguyên yêu cầu ly hôn, anh V mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng không có biện pháp hàn gắn và không thể hàn gắn.

Căn cứ biên bản thu thập về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh V chị TR địa phương thể hiện: Địa phương không biết có phát sinh mâu thuẫn gia đình hay không. Do các hộ dân nêu trên không yêu cầu ban quản lý thôn hoặc Ủy ban xã ĐH tổ chức hòa giải tranh chấp khi có mâu thuẫn gia đình.

Từ những nhận định và chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị TR và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị TR theo quy định tại các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân & gia đình là phù hợp.

[3] Về con chung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai đương sự thể hiện có 01 con chung là Nguyễn Thị An Nh, sinh ngày 27/12/2019.

Hội đồng xét xử thấy: Con chung của anh anh V và chị TR hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Quá trình giải quyết các bên thống nhất chị TR có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung trong trường hợp giải quyết ly hôn. Vì vậy, cần thiết giao con chung cho chị TR nuôi dưỡng là phù hợp. Các bên không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Các bên có quyền thăm nom con và yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 là phù hợp.

[4] Về tài sản, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị TR đối với bị đơn anh Nguyễn Văn V; chị Lê Thị TR được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Thị An Nh, sinh ngày 27/12/2019 cho chị Lê Thị TR trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bên không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lê Thị TR phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000554 ngày 15/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã ĐH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lường Văn Tình